

**BÁO CÁO**

**V/v chuyển mục đích sử dụng rừng sang  
xây dựng thủy điện từ năm 2006-2012**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 4920/VPCP-KTN ngày 04/7/2012, về việc báo cáo tình hình chuyển mục đích sử dụng rừng sang làm thủy điện và kết quả trồng rừng thay thế sau chuyển đổi từ năm 2006 đến năm 2012. Trên cơ sở tổng hợp của các địa phương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo như sau:

**1. Diện tích rừng chuyển sang xây dựng các công trình thủy điện.**

Từ năm 2006 đến nay, cả nước đã có 160 dự án thuộc 29 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang xây dựng thủy điện với diện tích 19.792ha. Trong đó: rừng đặc dụng 3.060 ha; rừng phòng hộ 4.411 ha; rừng sản xuất 12.321 ha, cụ thể:

- Vùng Tây Bắc: 21 dự án, thuộc 03 tỉnh với diện tích 2.794ha; trong đó: rừng đặc dụng 7,0ha; rừng phòng hộ 1.000 ha; rừng sản xuất 1.786ha.

- Vùng Đông Bắc: 40 dự án, thuộc 07 tỉnh với diện tích 1.204ha; trong đó: rừng đặc dụng 38ha; rừng phòng hộ 798ha; rừng sản xuất 368ha.

- Vùng Bắc Trung bộ: 23 dự án, thuộc 06 tỉnh với diện tích 4.532ha; trong đó: rừng đặc dụng 4,0ha; rừng phòng hộ 422ha; rừng sản xuất 4.106ha.

- Vùng Nam Trung bộ: 17 dự án, thuộc 05 tỉnh với diện tích 2.143ha; trong đó: rừng đặc dụng 269ha; rừng phòng hộ 1.255ha; rừng sản xuất 618ha.

- Vùng Tây Nguyên: 50 dự án, thuộc 05 tỉnh với diện tích 8.162ha; trong đó: rừng đặc dụng 2.741ha; rừng phòng hộ 392ha; rừng sản xuất 5.029ha.

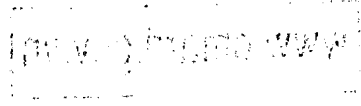
- Vùng Đông Nam bộ: 07 dự án, thuộc 02 tỉnh với diện tích 953ha; trong đó: rừng phòng hộ 539ha; rừng sản xuất 414 ha.

- Vùng Tây Nam bộ: 02 dự án, thuộc 01 tỉnh với diện tích 5,0ha; trong đó: rừng phòng hộ 5,0ha;

(Chi tiết có biểu kèm theo)

**2. Diện tích trồng rừng thay thế.**

Đến thời điểm này, chỉ có 8/29 tỉnh đã thực hiện việc trồng lại rừng sau chuyển mục đích sử dụng rừng sang làm thủy điện với diện tích là 735ha, bằng



3,7% diện tích rừng đã chuyển đổi (735/19.792ha), cụ thể: Lào Cai 203/203ha, Tuyên Quang 37/83ha, Bắc Cạn 8/30ha, Quảng Nam 447/1.488ha, Bình Định 26/36ha, Phú Yên 5/547ha, Lâm Đồng 3/1.883ha và Bạc Liêu 5/6ha.

### **3. Nhận xét, đánh giá.**

Khu vực có chuyển mục đích sử dụng rừng sang làm thủy điện nhiều nhất là Tây Nguyên (8.162ha bằng 41,2% của cả nước), tiếp đến là vùng Bắc Trung bộ (4.532ha bằng 22,9% của cả nước). Địa phương chuyển nhiều rừng (lớn hơn 1.000ha) là các tỉnh Đắk Nông, Lai Châu, Lâm Đồng, Gia Lai, Kon Tum, Quảng Nam và Nghệ An.

Về cơ bản, các địa phương đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không phải lâm nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại chính sau:

a) Nhiều công trình thủy điện không được quy hoạch đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch bảo vệ phát triển rừng của địa phương mà thường được bổ sung sau, dẫn đến quy hoạch ngành lâm nghiệp phải điều chỉnh theo.

b) Trên thực tế, diện tích rừng bị mất để xây dựng 160 dự án thủy điện trong thời gian qua có thể còn lớn 19.792ha, bởi vì khi xây dựng thủy điện sẽ kèm theo nhu cầu về đất tái định cư, đất sản xuất của người dân bù vào diện tích đã bị ngập. Số liệu này, các địa phương chưa thống kê được, cần phải có những điều tra, đánh giá để đưa ra các giải pháp chấn chỉnh trong thời gian tới.

c) Các dự án thủy điện đã góp phần giải quyết an ninh năng lượng cho xã hội, nhưng người dân và cộng đồng ở nơi bị ngập phải di dời bị chịu tác động trực tiếp, đời sống rất khó khăn. Mặt khác, hầu hết các dự án thủy điện được xây dựng ở vùng núi cao, khu vực đầu nguồn có nhiều rừng tự nhiên nên việc chuyển đổi rừng đã làm thay đổi dòng chảy tự nhiên, gây ra tình trạng lũ lụt, sạt lở đất đá, làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái ở các khu vực này.

d) Công tác cấm mọc giới, xác định hành lang bảo vệ lòng hồ, bảo vệ đập thực hiện chậm, dẫn đến vùng lòng hồ, hành lang thoát lũ bị lấn chiếm, rừng bị phá không kiểm soát được.

e) Theo quy định hiện hành, cơ quan cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải đảm bảo việc đầu tư trồng rừng mới thay thế diện tích rừng bị mất, nhưng hầu hết các địa phương không thực hiện nghiêm túc quy định này. Diện tích rừng trồng bù chỉ đạt 3,7% (735ha/19.792ha), thiếu sót này, đã tồn tại nhiều năm, nhưng không được các địa phương phát hiện, xử lý.

### **4. Đề xuất, kiến nghị**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các dự án thủy điện:

a) UBND cấp tỉnh tổ chức rà soát các dự án đã chuyển mục đích sử dụng rừng sang xây dựng thủy điện từ khi Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng có hiệu lực, yêu cầu chủ đầu tư phải trồng lại rừng theo đúng quy định của pháp luật.

b) Hạn chế ở mức thấp nhất việc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang xây dựng thủy điện, chỉ thực hiện các dự án trong quy hoạch, kế hoạch bảo vệ phát triển rừng được duyệt.

c) Đối với chủ đầu tư được phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, khi phê duyệt dự án đầu tư phải đồng thời phê duyệt phương án trồng rừng thay thế. Mọi trường hợp không có phương án trồng rừng thay thế được duyệt, thì kiên quyết không được khởi công đầu tư.

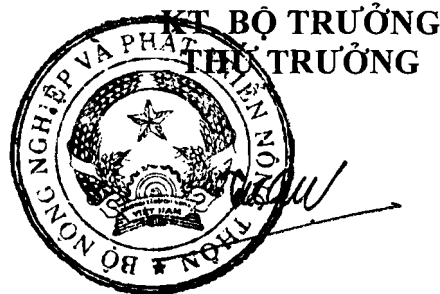
d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí đủ đất để các dự án trồng lại rừng, trường hợp địa phương không có đất thì yêu cầu dự án nộp tiền vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí trồng rừng ở tỉnh khác.

e) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc trồng lại rừng sau chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang xây dựng thủy điện. Xử lý nghiêm đối với chủ đầu tư không trồng lại rừng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các phó Thủ tướng Chính phủ (b/c);
- Bộ trưởng Cao Đức Phát (b/c);
- VPCP (b/c);
- VPQH (b/c);
- Lưu: VT, TCLN (4b).

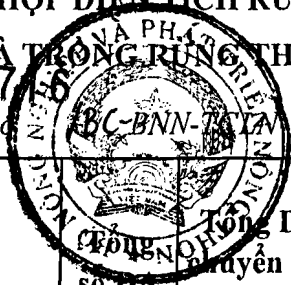


**Hà Công Tuấn**

**BIỂU TỔNG HỢP DIỆN TÍCH RỪNG CHUYỂN SANG LÀM THUỶ ĐIỆN**

**VÀ TRỒNG RỪNG THAY THẾ TỪ NĂM 2006-2012**

(Kèm theo văn bản số **37/16** ngày **30** tháng **10** năm 2012 của Bộ NN&PTNT)



STT	Vùng/tỉnh	Số DA	Tổng DT chuyển đổi (ha)	Trong đó			Diện tích đã trồng rừng thay thế
				Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
	<b>Tổng</b>	<b>160</b>	<b>19,792</b>	<b>3,060</b>	<b>4,411</b>	<b>12,321</b>	<b>735</b>
<b>I</b>	<b>TÂY BẮC</b>	<b>21</b>	<b>2,794</b>	<b>7</b>	<b>1,000</b>	<b>1,786</b>	<b>0</b>
1	Lai Châu	3	2,610	0	836	1,775	0
2	Điện Biên	1	2		2		0
3	Sơn La	17	181	7	163	11	0
<b>II</b>	<b>ĐÔNG BẮC</b>	<b>40</b>	<b>1,204</b>	<b>38</b>	<b>798</b>	<b>368</b>	<b>249</b>
4	Lào Cai	11	203	38	78	87	203
5	Yên Bái	10	177		143	34	0
6	Hà Giang	2	549		546	3	0
7	Tuyên Quang	3	84		31	52	38
8	Cao Bằng	8	100			100	0
9	Bắc cạn	3	30			30	8.0
10	Lạng Sơn	3	62			62	0
<b>III</b>	<b>BẮC TRUNG BỘ</b>	<b>23</b>	<b>4,532</b>	<b>4</b>	<b>422</b>	<b>4,105</b>	<b>0</b>
11	Thanh Hoá	2	44			44	0
12	Nghệ An	11	3654	4	15	3635	0
13	Hà Tĩnh	2	389		302	86	0
14	Quảng Bình	1	211			211	0
15	Quảng Trị	4	86		75	11	0
16	Thừa Thiên Huế	3	148	0	30	117	0

*Brandon*

IV	<b>NAM TRUNG BỘ</b>	<b>17</b>	<b>2,143</b>	<b>269</b>	<b>1,255</b>	<b>618</b>	<b>478</b>
17	TP Đà Nẵng	0	0	0	0	0	0
18	Quảng Nam	11	1,488		913	575	447
19	Quảng Ngãi	2	71	18	53	0	0
20	Bình Định	1	36		36		26
21	Phú Yên	3	547	251	253	44	5
V	<b>TÂY NGUYÊN</b>	<b>50</b>	<b>8,162</b>	<b>2,741</b>	<b>392</b>	<b>5,029</b>	<b>3</b>
22	Kon Tum	6	1,047			1,047	0
23	Gia Lai	18	1,709			1,709	0
24	Lâm Đồng	12	1,883	3	67	1,813	3
25	Đắk Lắk	6	219	124		96	0
26	Đắk Nông	8	3,304	2,614	325	365	0
VI	<b>ĐÔNG NAM BỘ</b>	<b>7</b>	<b>953</b>	<b>0</b>	<b>539</b>	<b>414</b>	<b>0</b>
27	Bình Thuận	4	456		159	298	0
28	Bình Phước	3	497		380	117	0
VII	<b>TÂY NAM BỘ</b>	<b>2</b>	<b>5.0</b>		<b>5.0</b>		<b>5.0</b>
29	Bạc Liêu	2	5.0		5.0		5.0

*Prn62*